

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/DSST

Ngày: 25-9-2018

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thúy

2/ Ông Lương Hùng Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Vũ M, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm 1944; Bà Lê Kim H, sinh năm 1952; Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1972; Cùng trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*ông L, bà H có mặt; chị T vắng mặt*)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1984; Cùng trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (*có mặt*)

Bà Phạm Thị Bé B, sinh năm 1971; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

Bà Ngô Thị Thu N, sinh năm 1959; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Vũ M trình bày:

Ngày 04/01/2016, anh Nguyễn Vũ M với vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T có ký xác lập Hợp đồng vay tài sản. Nội dung hợp

đồng: Anh M cho vợ chồng ông L, bà H và bà T vay số tiền 100.000.000 đồng. Bên vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000124 cấp ngày 06/01/1998 do Lê Kim H đại diện hộ đứng tên tại thửa số 30, tờ bản đồ 12A, diện tích 95 m². Đất tọa lạc tại Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. Lãi suất thỏa thuận: tính theo từng thời điểm lãi suất ngân hàng nhà nước nhưng thực tế lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời gian vay là 06 tháng. Sau khi giao nhận tiền vay và tài sản thế chấp xong, hai bên ký Hợp đồng và Hợp đồng được chứng thực tại Văn phòng công chứng Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ. Quá trình vay, vợ chồng ông L, bà H và bà T chỉ đóng được 03 tháng tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng và còn nợ lại 1.000.000 đồng. Đối với số tiền vốn gốc và lãi còn lại cho đến nay không thanh toán.

Nay nguyên đơn anh Nguyễn Vũ M yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng. Trường hợp, phía bị đơn không thanh toán thì yêu cầu hai bên thỏa thuận giá căn nhà, đất và bên bị đơn làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Theo Tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn L và bà Lê Kim H thống nhất trình bày: Vợ chồng ông L, bà H thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn Vũ M số tiền vay và tài sản thế chấp trên. Sau khi giao nhận tiền vay và tài sản thế chấp thì hai bên có ký Hợp đồng vay tài sản lập ngày 04/01/2016. Về lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng được tính theo từng thời điểm lãi suất ngân hàng nhà nước nhưng thực tế lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Vợ chồng ông xác định, bà T là người nhận tiền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Anh M. Quá trình vay, bà T chỉ thanh toán 09 tháng tiền lãi với số tiền 45.000.000 đồng thì ngưng thanh toán tiền lãi và tiền vốn gốc cho đến nay.

Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho Anh M số tiền 100.000.000 đồng nhưng xin trả dần hàng năm là 25.000.000 đồng/năm. Thời gian bắt đầu tính từ tháng 1/2019 cho đến khi trả dứt nợ. Đối với số tiền 45.000.000 đồng (tiền lãi), vợ chồng ông yêu cầu khấu trừ lại theo lãi suất 1%/tháng. Trường hợp, số tiền lãi trên còn dư đề nghị khấu trừ vào số tiền vốn gốc đã vay.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000124 ngày 06/01/1998 phía bị đơn đã thế chấp theo Hợp đồng vay tài sản ngày 04/01/2016. Nay vợ chồng ông yêu cầu hủy một phần Hợp đồng vay tài sản (phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và yêu cầu phía nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Bùi Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Chúc L trình bày: Chị L thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn Vũ M và không bổ sung gì thêm.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bé B trình bày: Bà là người giúp việc nhà cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Chúc L. Việc anh Nguyễn Vũ M cho có vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T vay tiền hay không thì bà không biết rõ. Bà xác định từ trước đến nay, bà không có nhận thay Anh M bất cứ số tiền nào từ vợ chồng ông L, bà H và bà T giao.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Ngô Thị Thu N trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Chúc L và là mẹ vợ của anh Nguyễn Vũ M. Bà biết anh Nguyễn Vũ M cho có vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T vay tiền nhưng không biết rõ số tiền cho vay bao nhiêu và thỏa thuận như thế nào. Bà xác định từ trước đến nay, bà không có nhận thay Anh M bất cứ số tiền nào từ vợ chồng ông L, bà H và bà T giao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 121, Điều 122, Điều 135, Điều 137, Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 107 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ M đối với vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T. Buộc vợ chồng ông L, bà H và bà T phải trả cho Anh M số tiền là 100.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn anh Nguyễn Vũ M yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H, bà Bùi Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn bà Bùi Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bé B, Bà Ngô Thị Thu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bà T, bà B và bà N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về số nợ gốc: Ngày 04/01/2016, anh Nguyễn Vũ M với vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T có ký xác lập hợp đồng vay tài sản (Hợp đồng được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Cờ Đỏ). Nội dung: Anh M cho vợ chồng ông L, bà H và bà T vay số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận: tính theo từng thời điểm lãi suất ngân hàng nhà nước nhưng thực tế nguyên đơn thừa nhận là 2%/tháng, bị đơn thừa nhận là 5%/tháng, thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày hợp đồng được ký chứng thực. Quá trình vay, bị đơn không thanh toán đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng. Trường hợp, bị đơn không thanh toán thì yêu cầu hai bên thỏa thuận giá căn nhà, đất và bên bị đơn làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay tài sản. Xét thấy, theo Hợp đồng vay tài sản thể hiện nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng, bên bị đơn giao thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông L, bà H cũng thừa nhận phía bị đơn có nhận số tiền trên và đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Bị đơn xác định từ lúc vay cho đến nay thì chưa thanh toán tiền vốn gốc cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Bùi Thị Thanh T được biết về việc nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng (21 tháng, kể từ ngày 04/6/2016 đến ngày 28/2/2018) để bị đơn có phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn và đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Từ khi Tòa án thu lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, bà T không có ý kiến phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn và đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phía bị đơn không đưa ra ý kiến phản đối cũng như các chứng cứ để chứng minh phản đối trước yêu cầu của nguyên đơn xem như phía bị đơn thống nhất trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông L, bà H và bà T có nợ của Anh M số tiền 100.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, việc nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Theo thừa nhận của nguyên đơn thì phía bị đơn chỉ đóng lãi suất là 2%/tháng (từ ngày 04/01/2016 đến ngày 03/4/2016) với số tiền 5.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng. Phía bị đơn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng và đóng được 09 tháng lãi (từ ngày 01/4/2016 đến ngày 03/10/2016) với số tiền 45.000.000 đồng. Bao gồm: Bà T giao cho Bà Ngô Thị Thu N nhận thay 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng, giao cho bà Phạm Thị Bé B 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng và giao cho chị Nguyễn Thị Chúc L 05 lần với số tiền 25.000.000 đồng. Xét thấy: Căn cứ theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản

do Ngân hàng nhà nước quy định cụ thể: Lãi suất cơ bản 09%/năm x 150% = 13,5%/năm tương đương 1,125%/tháng. Như vậy, tuy lãi suất nguyên đơn thừa nhận là 2%/tháng vượt quá so với lãi suất theo quy định nhưng phía bị đơn chỉ có đóng 03 tháng tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng (tính từ lúc vay cho đến nay) và còn nợ 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đã có lợi cho phía bị đơn.

Đối với yêu cầu xem xét tính lãi lại theo quy định và khấu trừ số tiền lãi đã đóng vào số tiền vốn gốc của bị đơn. Phía bị đơn cho rằng đã đóng lãi theo mức lãi suất là 5%/tháng với số tiền 45.000.000 đồng nhưng không có tài liệu gì để chứng minh việc các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và đã đóng số lãi trên cho nguyên đơn. Ngoài ra, vợ chồng ông L cho rằng chị T đã giao tiền lãi cho bà N, bà B và Chị L nhận tiền lãi thay Anh M. Quá trình làm việc, bà N, bà B không thừa nhận có nhận bất cứ khoản tiền nào của chị T giao. Trong khi đó, Chị L thừa nhận có nhận 03 tháng tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định phí bị đơn chỉ đóng cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng nên yêu cầu tính lãi lại và khấu trừ vào số tiền gốc của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 04/01/2016 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác lập giữa Anh M và vợ chồng ông L và bà H và bà T mặc dù được chứng thực tại Văn phòng công chứng Cơ Đỏ, huyện Cờ Đỏ nhưng các bên chưa thực hiện việc đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003 nên Hợp đồng trên vô hiệu 01 phần (phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tài sản có nội dung: "...Bên B (ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T) thế chấp cho bên A (anh Nguyễn Vũ M) 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000124 do bà Lê Kim H đại diện hộ đứng tên và được UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 06/01/1998". Sau khi lập hợp đồng, ông L, bà H, bà T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh M quản lý. Do đó, việc bị đơn yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng Hợp đồng vay tài sản ngày 04/01/2016 là không có cơ sở mà cần tuyên bố Hợp đồng trên vô hiệu một phần (phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Buộc Anh M có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông L, bà Hoa và bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000124 cấp ngày 06/01/1998 do bà Lê Kim H đại diện hộ đứng tên.

[3] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông L, bà H và bà T phải chịu án phí trên số tiền của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Phía bị đơn có đơn đề nghị xin miễn giảm án phí phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xem xét giảm 50% án phí.

[6] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 121, Điều 122, Điều 135, Điều 137, Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 107 của Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ M đối với vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T.

2. Tuyên bố hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 04/01/2016 giữa anh Nguyễn Vũ M với vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T là vô hiệu một phần (phần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

3. Buộc vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Vũ M số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

4. Buộc anh Nguyễn Vũ M phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000124 cấp ngày 06/01/1998 do bà Lê Kim H đại diện hộ đứng tên.

5. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng ông L, bà H và bà T chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H và bà Bùi Thị Thanh T phải nộp 1.225.000 đồng (có xét giảm theo đơn).

Anh Nguyễn Vũ M được nhận lại số tiền 3.025.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000793 ngày 22/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Tuyên án công khai, có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Vũ M, bị đơn ông Bùi Văn L, bà Lê Kim H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Chúc L; Vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bé B, Bà Ngô Thị Thu N.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lương Hùng Dũng Võ Minh Phụng